

Research Paper

Cardiovascular Diseases and Evaluate Outcomes  
in Treatment of Cardiovascular Diseases at  
Vietnam National Children's Hospital in 2019

Nong Van Manh<sup>1,\*</sup>, Nguyen Ly Thinh Truong<sup>2</sup>, Le Hong Quang<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Quang Ninh Obstetrics and Pediatrics Hospital, Dai Yen, Ha Long City, Quang Ninh, Vietnam

<sup>2</sup>Vietnam National Children's Hospital, 18/879 La Thanh, Dong Da, Hanoi, Vietnam

Received 26 June 2020

Revised 29 June 2020; Accepted 29 June 2020

**Abstract**

**Objectives:** To describe characteristics of cardiovascular disease and treatment results at the Children's Heart Center, Vietnam National children's Hospital in 2019. **Subjects:** Children aged 2 months to 15 years diagnosed with cardiovascular disease at Children's Heart Center, Vietnam National Children's Hospital from January 2019 to December 2019. **Research methodology:** Cross-sectional description. **Results and conclusions:** Congenital heart disease was common in children <5 years old, especially the age <12 months. Complications of the disease are mainly pneumonia, malnutrition. Most treated children get relief of symptoms and leave the hospital early in about 1 week.

**Keywords:** Congenital heart diseases, acquired heart diseases, children.

---

\* Corresponding author.

E-mail address: nvm@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/jprp.v4i3.203>

# Đặc điểm bệnh tim mạch và kết quả điều trị tại Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2019

Nông Văn Mạnh<sup>1,\*</sup>, Nguyễn Lý Thịnh Trường<sup>2</sup>, Lê Hồng Quang<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Bệnh viện Sản Nhi Quảng Ninh, Đại Yên, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam

<sup>2</sup>Bệnh viện Nhi Trung ương, 18/879 La Thành, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 26 tháng 6 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 29 tháng 06 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 6 năm 2020

## Tóm tắt

Mục tiêu: Mô tả đặc điểm bệnh tim mạch và kết quả điều trị tại Trung tâm tim mạch trẻ em, Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2019.

Đối tượng: Bệnh nhi từ 2 tháng đến 15 tuổi được chẩn đoán mắc bệnh tim mạch tại Trung tâm Tim mạch trẻ em, Bệnh viện Nhi Trung ương từ tháng 1/2019 đến 12/2019.

Phương pháp nghiên cứu: mô tả cắt ngang.

Kết quả và kết luận: Bệnh tim bẩm sinh thường gặp ở trẻ <5 tuổi, đặc biệt là tuổi <12 tháng. Biểu chứng của bệnh chủ yếu là viêm phổi, suy dinh dưỡng. Hầu hết trẻ được điều trị đều thuyên giảm triệu chứng và ra viện sớm trong khoảng 1 tuần.

Từ khóa: Tim bẩm sinh, tim mạch phải, trẻ em.

## 1. Đặt vấn đề

Từ xưa tới nay, tim mạch luôn là một trong những nhóm bệnh có tỷ lệ mắc cao, là gánh nặng với toàn xã hội. Bệnh tim mạch ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe không chỉ của người lớn mà còn tác động tới sự phát triển mọi mặt của trẻ em. Ở các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng, công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu dự phòng bệnh tim mạch bẩm sinh cũng như chẩn đoán sớm còn hạn chế. Ngoài các bệnh tim bẩm sinh, các bệnh lý mắc phải như rối loạn nhịp, kawasaki... cũng góp phần không nhỏ vào tỷ lệ tử vong của trẻ. Để tìm hiểu kỹ hơn nhằm phục vụ công tác chẩn đoán và điều trị, chúng tôi thực hiện nghiên cứu nhằm mục tiêu: “Mô

tả đặc điểm bệnh tim mạch và kết quả điều trị tại Trung tâm tim mạch trẻ em, Bệnh viện Nhi Trung ương năm 2019”.

## 2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

Bệnh nhi từ 2 tháng đến 15 tuổi được chẩn đoán mắc bệnh tim mạch tại Trung tâm Tim mạch trẻ em, Bệnh viện Nhi Trung ương từ tháng 1/2019 đến 12/2019.

Người nhà bệnh nhi đồng ý tham gia nghiên cứu.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Mô tả cắt ngang.

#### 2.2.2. Cỡ mẫu và chọn mẫu nghiên cứu

Phương pháp chọn mẫu thuận tiện các đối tượng đủ tiêu chuẩn lựa chọn.

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: nvm@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/jprp.v4i3.203>

### 2.2.3. Phương pháp thu thập thông tin

Khám lâm sàng trẻ và ghi vào phiếu điều tra.

### 2.2.5. Xử lý số liệu

Số liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0.

## 3. Kết quả nghiên cứu

Thông qua nghiên cứu 226 trẻ, chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 1. Đặc điểm chung

Đặc điểm		Số lượng (n=226)	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	108	47,8
	Nữ	118	52,2
Nhóm tuổi	<5 tuổi	143	63,3
	≥5 tuổi	83	36,7

Tỷ lệ trẻ nữ cao hơn nam (52,2% so với 47,8%), trẻ <5 tuổi chiếm đa số với 63,3%.

Bảng 2. Phân loại bệnh tim

Bệnh tim	Số lượng (n=226)	Tỷ lệ %
Tim bẩm sinh	155	68,6
Tim mắc phải	71	31,4

Trong số 226 trẻ, 68,6% trẻ mắc bệnh tim bẩm sinh, 31,4% có bệnh tim mắc phải.

Bảng 3. Các bệnh tim bẩm sinh

Bệnh tim bẩm sinh	Số lượng (n=155)	Tỷ lệ %
Thông liên thất	51	32,9
Thông liên nhĩ	24	15,5
Tứ chứng Fallot	21	13,6
Còn ống động mạch	10	6,4
Kênh nhĩ thất	7	4,5
Các dị tật tim khác	42	27,1

Trong số 155 trẻ có tim bẩm sinh, tỷ lệ cao nhất là thông liên thất với 32,9%, thấp

hơn là thông liên nhĩ 15,5% và tứ chứng Fallot 13,6%, các bệnh khác chiếm tỷ lệ nhỏ.

Bảng 4. Các bệnh tim mắc phải

Bệnh tim mắc phải	Số lượng (n=71)	Tỷ lệ %
Tăng huyết áp	45	63,4
Rối loạn nhịp tim	19	26,8
Kawasaki	7	9,8

Trong số 71 trẻ có tim mắc phải, 63,4% tăng huyết áp, 26,8% rối loạn nhịp và 9,8% kawasaki.

Bảng 5. Biến chứng trong nhóm tim bẩm sinh

Biến chứng	Số lượng (n=155)	Tỷ lệ %
Viêm phổi	126	81,3
Suy dinh dưỡng	67	43,2
Suy tim	43	27,7
Tăng áp phổi	41	26,5

Trong số 155 trẻ có tim bẩm sinh, biến chứng hay gặp nhất là viêm phổi với 81,3%, thấp hơn là suy dinh dưỡng 43,2%, suy tim 27,7% và tăng áp phổi 26,5%.

Bảng 6. Kết quả điều trị theo nhóm bệnh tim

Kết quả	Bẩm sinh (n=155)		Mắc phải (n=71)	
	SL	%	SL	%
Thuyên giảm, ra viện và theo dõi	92	59,3	61	85,9
Thuyên giảm, chuyển phẫu thuật	39	25,2	0	0
Nặng, chuyển Hồi sức điều trị	24	15,5	10	14,1
Tử vong	0	0	0	0

Tỷ lệ thuyên giảm ra viện của nhóm tim mắc phải khá cao với 85,9% trong khi tim bẩm sinh chỉ đạt 59,3%. Tỷ lệ nặng, chuyển hồi sức điều trị của cả 2 nhóm bệnh tương đương xấp xỉ 15%.

Bảng 7. Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ

Nhóm bệnh	Ngày nằm viện			p
	$\bar{X} \pm SD$	Ít nhất	Nhiều nhất	
Tim bẩm sinh (n=155)	7,97 $\pm$ 3,61	2	21	0,395
Tim mắc phải (n=71)	7,54 $\pm$ 3,32	2	21	

Thời gian nằm viện của của nhóm tim mắc phải thấp hơn so với nhóm tim bẩm sinh tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với  $p > 0,05$ .

#### 4. Bàn luận

Về giới tính, kết quả nghiên cứu của chúng tôi có tỷ lệ nam nữ tương đương nhau (47,8%, 52,2%). Kết quả này phù hợp với các kết quả của nhiều tác giả trong như Trương Ngọc Phước ghi nhận tỷ lệ nam, nữ là 48,6% và 51,4% [1]; Lê Thị Hải Yên ghi nhận 60 nam 65 nữ trong nghiên cứu 125 trẻ mắc tim bẩm sinh [2]; Trương Bích Thủy và Văn Kiếng Được ghi nhận tỷ số nam/nữ là 1,04 [3].

Về độ tuổi, chúng tôi nhận thấy trẻ <5 tuổi chiếm đa số với 63,3%. Kết quả của chúng tôi tương tự Lê Thị Hải Yên với 60,8% nhập viện tim bẩm sinh <12 tháng, trên 5 tuổi chỉ chiếm 12% [2].

Về bệnh tim mạch, tỷ lệ trẻ bị tim bẩm sinh chiếm đa số trong nghiên cứu của chúng tôi với 68,6%. Borzouee M. và Jannati M nghiên cứu trên 1817 bệnh nhi tim mạch tại Iran trong 3 năm cho thấy tỷ lệ tim bẩm sinh là 76% [4] cao hơn so với chúng tôi và một số tác giả trong nước như Trương Ngọc Phước với tỷ lệ này là 66,7% [1]. Chúng tôi cho rằng sự khác biệt trên là

do Borzouee nghiên cứu trên cả các đối tượng là trẻ sơ sinh trong khi chúng tôi và Trương Ngọc Phước chỉ nghiên cứu trẻ từ 2 tháng cho tới 15 tuổi.

Trong số 155 trẻ có tim bẩm sinh, tỷ lệ cao nhất là thông liên thất với 32,9%, thấp hơn là thông liên nhĩ 15,5% và tứ chứng Fallot 13,6%, các bệnh khác chiếm tỷ lệ nhỏ. Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Trương Ngọc Phước với 31,1% thông liên thất, 16,2% thông liên nhĩ, 13,5% tứ chứng Fallot [1] cũng như nghiên cứu của Nguyễn Văn Cương với 34,8% thông liên thất, 13,3% thông liên nhĩ, 13,7% tứ chứng Fallot [5]. Chúng tôi cũng nhận thấy, viêm phổi là biến chứng thường gặp nhất với 81,3%, thấp hơn là suy dinh dưỡng 43,2%, suy tim 27,7% và tăng áp phổi 26,5%. Trong nghiên cứu của mình, Trương Ngọc Phước cũng ghi nhận 79,7% viêm phổi, 45,9% suy dinh dưỡng [1] tương đương với kết quả của chúng tôi cũng như của Nguyễn Văn Cương [5] và Lê Thị Hải Yên [2]. Nhận định được điều trên có thể giúp các bác sĩ tiên lượng chính xác hơn và có biện pháp xử trí sớm với các đối tượng này. Trong số 71 trẻ bị tim mắc phải, 63,4% tăng huyết áp, 26,8% rối loạn nhịp và 9,8% Kawasaki, đa phần trẻ có bệnh tim mắc phải ở độ tuổi >5.

Ở nhóm bệnh tim bẩm sinh, tỷ lệ trẻ thuyên giảm ra viện là 59,3%, 25,2% thuyên giảm và chuyển phẫu thuật, 15,5% nặng cần điều trị hồi sức. Tỷ lệ này tương đối khác với trẻ có bệnh tim mắc phải với 85,9% thuyên giảm ra viện. Thời gian nằm viện của nhóm tim bẩm sinh là  $7,97 \pm 3,61$  ngày cao hơn so với  $7,54 \pm 3,32$  ngày của nhóm tim mắc phải, tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với  $p > 0,05$ . Kết quả của chúng tôi có sự tương đồng với các nghiên cứu trong nước khác của Trương Ngọc Phước [1], Lê Thị Hải Yên [2] và Nguyễn Văn Cương [5].

## 5. Kết luận

Bệnh tim bẩm sinh thường gặp ở trẻ <5 tuổi, đặc biệt là tuổi <12 tháng. Biến chứng của bệnh chủ yếu là viêm phổi, suy dinh dưỡng. Hầu hết trẻ được điều trị đều thuyên giảm triệu chứng và ra viện sớm trong khoảng 1 tuần.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Truong Ngoc Phuoc, Nguyen Phuoc Sang et al., Surveying cardiovascular disease and evaluating treatment results at the Department of Cardiology of Can Tho Children's Hospital 2015. Can Tho Journal of Medicine and Pharmacy 13(14) (2018) 128-132 (in Vietnamese).
- [2] Le Thi Hai Yen, Study on common complications in congenital heart diseases in children treated at Department of Pediatrics, Hue Central Hospital, Master's thesis in medicine, Hue University of Medicine and Pharmacy, 2008 (in Vietnamese).
- [3] Truong Bich Thuy, Van Kieng Duoc, Characteristics of congenital heart disease in children at Kien Giang General Hospital, Journal of Medicine in Ho Chi Minh City 16 (2012) 96-101 (in Vietnamese).
- [4] M. Borzouee, M. Jannati, Distribution and Characteristic of the Heart Disease in Pediatric age group in Southern Iran, Iranian Cardiovascular Research journal 2(1) (2008) 48-51.
- [5] Nguyen Van Cuong, Study on the situation of congenital heart disease in children at Can Tho Children's Hospital, Thesis of 2<sup>nd</sup> Degree Specialist, Hue University of Medicine and Pharmacy, 2010 (in Vietnamese).
- [6] M. Suzanne, Mortality resulting from congenital heart disease among children and adults in the United States, 1999 to 2006, Circulation 122 (2010) 2254-2263.

## PHIẾU THU THẬP SỐ LIỆU

### Đặc điểm bệnh tim mạch và kết quả điều trị tại bệnh viện Nhi Trung ương

Mã số phiếu: .....

1. Họ và tên bệnh nhi: .....
2. Mã bệnh án: .....
3. Giới tính:  Nam  Nữ
4. Tuổi: ..... tháng tuổi.
5. Loại bệnh:  Tim bẩm sinh  Tim mắc phải
6. Loại bệnh tim bẩm sinh:
 

<input type="checkbox"/> Thông liên thất	<input type="checkbox"/> Thông liên nhĩ	<input type="checkbox"/> Tứ chứng Fallot
<input type="checkbox"/> Còn ống động mạch	<input type="checkbox"/> Kênh nhĩ thất	<input type="checkbox"/> Khác .....
7. Loại bệnh tim mắc phải:
 

<input type="checkbox"/> Tăng huyết áp	<input type="checkbox"/> Rối loạn nhịp tim	<input type="checkbox"/> Kawasaki
--	--	-----------------------------------
8. Biến chứng trong nhóm tim bẩm sinh:
 

<input type="checkbox"/> Viêm phổi	<input type="checkbox"/> Suy dinh dưỡng	<input type="checkbox"/> Suy tim	<input type="checkbox"/> Tăng áp phổi
------------------------------------	---	----------------------------------	---------------------------------------
9. Kết quả điều trị:
 

<input type="checkbox"/> Thuyên giảm, ra viện và theo dõi	<input type="checkbox"/> Thuyên giảm, chuyển phẫu thuật
<input type="checkbox"/> Nặng, chuyển hồi sức điều trị	<input type="checkbox"/> Tử vong
10. Số ngày nằm viện: ..... ngày.

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**Người thu thập số liệu**

(Ký và ghi rõ họ tên)